

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2021

*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
dưỡng con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hồ Phước T, sinh năm: 1988;
Cư trú tại: Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh L.
2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kiều L1, sinh năm: 1987;
Cư trú tại: Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh L.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn anh Hồ Phước T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Anh T và chị L1 cưới nhau năm 2011, hôn nhân của vợ chồng anh do tìm hiểu tự nguyện. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh L. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L1 thường xuyên nghi ngờ anh T không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Trong những lần vợ chồng cãi nhau, anh T không kiểm soát được bản thân có đánh chị L1. Sau đó, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không thể có được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Gia B, sinh ngày 10/8/2012 và Hồ Ngọc Thủy T1, sinh ngày 07/11/2016. Hiện nay, hai con chung đang

do chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đồng ý giao hai con chung cho chị L1 nuôi dưỡng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi người con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Trần Thị Kiều L1 trình bày: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như anh T trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2015 khi chị L1 mang thai người con thứ hai cho đến nay. Nguyên nhân là do anh T có tình cảm với người phụ nữ khác. Chị L1 đã từng dọn ra ngoài ở riêng một thời gian, sau đó, chị L1 quay về tiếp tục chung sống với anh T. Năm 2018, chị L1 có nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T nhưng sau đó chị L1 đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng đến thời điểm hiện tại anh T vẫn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Trong những lần vợ chồng cãi nhau, anh T có đánh chị. Hiện nay, anh T đã dọn ra ngoài ở. Vợ chồng ly thân từ sau tết nguyên đán năm 2021 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị L1 xác định còn tình cảm vợ chồng với anh T nhưng anh T đã kiên quyết ly hôn thì chị L1 cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Gia Bảo, sinh ngày 10/8/2012 và Hồ Ngọc Thủy Tiên, sinh ngày 07/11/2016. Hiện nay 02 con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L1 đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Hồ Phước T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Kiều L1, chị L1 có nơi cư trú tại Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Hồ Phước T và chị Trần Thị Kiều L1 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyền số 01, ngày 21/01/2011, nên xác định hôn nhân giữa anh T và chị L1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L1 nghi ngờ anh T không chung thủy với chị L1, mặc dù anh có giải thích nhưng chị L1 vẫn không tin tưởng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Về phía chị L1, chị L1 cho rằng anh T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng mới thường xuyên cãi nhau. Trong những lần vợ chồng cãi nhau, anh T còn đánh chị L1. Cả anh T và chị L1 đều trình bày có tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng anh chị đã không còn sống chung với nhau từ sau tết nguyên đán năm 2021. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị L1, chị L1 lại không đưa ra được giải pháp hiệu quả nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị L1 đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị L1 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn

cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T và chị L1.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị L1 có hai người con chung tên Hồ Gia B, sinh ngày 10/8/2012 và Hồ Ngọc Thủy T1, sinh ngày 07/11/2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai con chung do chị L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T và chị L1 thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho chị L1 nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Bảo và cháu Tiên cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị L1 thống nhất thỏa thuận anh T cấp dưỡng nuôi hai con là 1.500.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, anh T và chị L1 đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Phước T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Trần Thị Kiều L1.

Về hôn nhân: Anh Hồ Phước T được ly hôn với chị Trần Thị Kiều L1.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Kiều L1 nuôi dưỡng hai người con chung tên Hồ Gia B, sinh ngày 10/8/2012 và Hồ Ngọc Thủy T1, sinh ngày 07/11/2016. Anh Hồ Phước T cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện được tính kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2021 cho đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Hồ Phước T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0009480 ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí. Anh Hồ Phước T còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

